TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2019/HS-ST
Ngày 27- 08 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Dương Văn Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dư Công Thử**
Bà **Phan Thị Hoài Thanh**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Lợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSST ngày 31 tháng 07 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Văn S, sinh năm 1994; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đông T – H N – H T– T H; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị G (đã chết); Chị em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1992, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: Bùi Thị TD, sinh năm 1997 (đã ly hôn), con: Lê Văn B, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/04/2019 cho đến nay (*Có mặt)*.

Người bị hại:
Cháu **Nguyễn Thế M**, sinh ngày 05/12/2011;
Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 – TK – ĐT –LĐ.
Trú tại: Thôn LT – LX– ĐT – LĐ (*Vắng mặt)*.

Người đại diện cho bị hại:
Ông **Nguyễn Thế Q**, sinh năm 1988;
Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 – TK – ĐT –LĐ.
Trú tại: Thôn LT – LX– ĐT – LĐ (*Có mặt)*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà T**rần Thị L**, sinh năm 1990;
Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1 – TK – ĐT –LĐ.
Trú tại: Thôn LT – LX– ĐT – LĐ (*Có mặt)*.

Bà **Tạ Kim A**, sinh năm 1975;
Trú tại: Số 123 – Quốc lộ 20 – LH – ĐD –LĐ (*Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/04/2019, sau khi cùng bà Trần Thị L đi xin việc làm về, bị cáo ở chơi với con của ông Nguyễn Thế Q và bà Trần Thị L là cháu Nguyễn Thế M, trong phòng trọ của ông Q bà L tại Thôn LT – LX– ĐT – LĐ. Sau đó, bị cáo nảy sinh ý định lấy xe mô tô của chị L đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định đó, bị cáo lấy chìa khóa xe, lấy Giấy đăng ký xe của bà L ở trong ví để trong túi Nilon treo trên tường bỏ vào túi quần rồi nói với cháu M là *"Chú mượn xe đi đây tý, cháu ở nhà"*. Lúc này cháu M đòi đi theo nhưng bị cáo không đồng ý, bị cáo đi đến khu vực để xe và lấy xe mô tô biển số 36 B6-722.69 của chị L rồi đi đến tiệm cầm đồ "Đại Thắng" của bà Tạ Kim A tại Thị trấn LH – ĐD. Tại đây, bị cáo nói là xe của vợ chồng và đưa chứng minh nhân dân của ông Q, bà L cùng sổ hộ khẩu cho bà A xem. Bà A kiểm tra thấy giấy tờ hợp pháp nên đồng ý viết cho bị cáo giấy tờ cầm cố đối với chiếc xe nêu trên với giá 8.000.000đ. Sau khi cầm xe, bị cáo chơi game, ăn uống hết 7.700.000đ, còn lại 300.000đ giữ trong người. Đến ngày 18/04/2019 bị cáo đang đi bộ trên đường thì bị anh Q phát hiện và trình báo lên cơ quan Công an. Đến ngày 18/04/2019 thì bị cáo bị bắt giữ.

Tại kết luận định giá tài sản số 23/2019/KL/HĐ ĐGTD ngày 23/04/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đơn Dương kết luận: xe mô tô biển số 36 B6 - 722.69 trị giá 33.725.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 41/CT-VKSĐD ngày 29 tháng 07 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đã truy tố bị cáo về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Thế Q và bà Trần Thị L nên bị cáo đã liên hệ và nhờ ông Q bà L kiếm việc cho mình làm, vào ngày 12/04/2019 sau khi cùng bà L đi xin việc làm về, bị cáo đến và ở tại phòng trọ của ông Q bà L ở thôn LT – LX– ĐT – LĐ cùng với con trai của ông Q bà L là Nguyễn Thế M. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy chiếc xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69 do bà L đứng tên, thực hiện ý định đó, bị cáo đã lấy Giấy tờ xe, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Q bà L từ trong ví của bà L và để vào trong túi nilon cất vào trong túi quần rồi nói với cháu M là *"Chú mượn xe lên đây tý, cháu ở nhà coi nhà đi"*, sau đó bị cáo đến khu vực để xe và điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Đại Thắng của bà Tạ Kim A tại Thị trấn LH – ĐD và đưa Giấy tờ xe, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông Q bà L cho bà A để cầm cố chiếc xe với giá 8.000.000đ để chơi game và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo pháp luật cho bị hại Nguyễn Thế M là ông Nguyễn Thế Q xác nhận lời khai của bị cáo là đúng. Vào ngày 12/04/2019 bị cáo ngồi chơi với bị hại tại phòng trọ thì bị cáo nói với bị hại *"Chú mượn xe lên đây tý, cháu ở nhà coi nhà đi"*, sau đó bị cáo đến khu vực để xe và điều khiển xe đi, bị hại nói bị cáo cho bị hại đi cùng thì bị cáo không đồng ý.

Người **c**ó quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị L xác nhận do có quan hệ quen biết từ trước nên bị cáo có đến nhờ vợ chồng bà tìm việc làm giúp bị cáo, đến ngày 12/04/2019 sau khi bà L cùng bị cáo đi xin việc về thì bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lừa con trai của bà L là Trần Thế M để chiếm đoạt xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69 do bà L đứng tên, sau đó đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hiện bay bà L đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69, đến nay bà L không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Bà Tạ Kim A xác nhận vào ngày 12/04/2019 bị cáo đến và nói với bà A đây là tài sản của vợ chồng bị cáo, sau khi kiểm tra các giấy tờ đầy đủ bà A đồng ý cho bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69 với giá 8.000.000đ, bà A không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Nay bà A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ, là số tiền mà bị cáo cầm cố chiếc xe.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Vào ngày 12/04/2019 bị cáo Lê Văn S đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị L, sau đó đem cầm cố để lấy số tiền 8.000.000đ tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Văn S; Xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 6 – 9 tháng tù giam.

Tại phiên tòa hôm nay bà Tạ Kim A không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000. Xét thấy, việc bà A rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên không xem xét đến. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Bị cáo không có ý kiến gì về mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện Đơn Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 12/04/2019 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô Biển số 36B6 - 722.69 là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị L, sau đó đem cầm cố cho bà Tạ Kim A để lấy số tiền 8.000.000đ tiêu xài cá nhân. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của của bị cáo Lê Văn S đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến tài sản của chủ sở hữu, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin cho người khác rồi chiếm đoạt tài sản vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo và nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo thấy được tội lỗi của mình mà tu dưỡng rèn luyện thành công dân tốt cho gia đình và xã hội sau này. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra thì không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động phổ thông, công việc không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với tang vật bao gồm 01 chiếc xe mô tô Biển số 36 B6 - 722.69, 01 Giấy đăng ký xe mô tô và 01 chứng minh nhân dân đứng tên Trần Thị L (bản phô tô) quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đơn Dương đã trả cho và Trần Thị L theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/07/2019 (bút lục số 120).

01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thế Q (bản gốc), 01 sổ hộ khẩu số 570703592 (bản phô tô) đã trả cho ông Nguyễn Thế Q theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 03/07/2019 (bút lục số 121).

01 điện thoại di động hiệu Sam Sung J730 trả cho bị cáo do không không liên quan đến vụ án theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 12/07/2019 (bút lục số 122).

Sau khi nhận lại tài sản các chủ sở hữu không ai có yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Đối với số tiền 300.000đ bị cáo sử dụng còn thừa lại, là tiền thu lợi bất chính từ việc cầm cố xe mô tô quá trình điều tra cơ quan công an huyện Đơn Dương đã tịch thu theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSĐD ngày 29/07/2019 (bút lục số 136). Xét thấy đây là số tiền có từ việc thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Đối với bà Tạ Kim A, khi nhận cầm cố chiếc xe Biển số 36B6 - 722.69 từ bị cáo, thì bị cáo đưa đầy đủ các giấy tờ hợp lệ, bà A không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Kim A đã yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà A không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền nêu trên. Xét thấy, việc bà A rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên không xem xét đến. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn S** Mạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn S **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/04/2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đ theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSĐD ngày 29/07/2019.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Công an huyện Đơn Dương;
- Thi hành án Đơn Dương; Sở tư pháp;
- Bị cáo; nhà tạm giữ Công an Đơn Dương;
- Lưu: HS; THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM MÁN – CHỦ TỌA MIÊN TÒA

Dương Văn Vũ